TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 325/2023/DS-PT
Ngày: 26.7.2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Trần Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: ông Trần Thanh Vũ- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 201/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 359/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tiến P, sinh năm 1999. Địa chỉ: khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: bà Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số A, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ - Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2023 (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Huỳnh Thanh V, sinh năm 1967. Địa chỉ: Lô B, đường B, KDC I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

2.2 Bà Võ Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số A, đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho bị đơn: ông Nguyễn Thế T1, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số I, đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ - Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2023 (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1975

3.2 Bà Huỳnh Thị P1, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Số D, khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

4. Người kháng cáo: ông Huỳnh Thanh V và bà Võ Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông P trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Ngày 11/3/2022, ông Huỳnh Tiến P và ông Huỳnh Thanh V có thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất số 1100 (diện tích 169,9m^2) và thửa số 1106 (diện tích 170,7m^2) tọa lạc tại khu vực Bình Thường A, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ của ông Huỳnh Thanh V. Biên bản đặt cọc tiền đất đối với 02 thửa đất nói trên do ông Huỳnh Thanh V viết và ký tên, theo đó ông P đặt cọc và ông V nhận tiền đặt cọc 02 thửa đất này với tổng số tiền là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho hai thửa. Hai bên đồng ý giá chuyển nhượng 02 thửa đất là 1.520.000.000 triệu đồng *(Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng)*. Ngay khi hai bên thực hiện việc đặt cọc ông V có cung cấp bản photo hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 114645, số vào sổ số CS18353 (thửa 1100) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 19/02/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 114633, số vào sổ CS18333 (thửa 1106) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 10/02/2020 đứng tên ông Huỳnh Thanh V cho ông P chụp hình lại để lưu giữ.

Ngày 07/7/2022, ông P có gửi Thông báo yêu cầu ông Huỳnh Thanh V thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Biên nhận đặt cọc tiền đất ngày 11/3/2022 mà ông V đã ký với thời gian và địa điểm cụ thể như sau:

+ Thời gian: từ 08 giờ 00 đến 09 giờ 00, ngày 11/7/2022.

+ Địa điểm: Văn phòng C, địa chỉ: số A, đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Theo nội dung Thông báo, nếu quá thời gian nêu trên mà ông V không có mặt tại điểm hẹn và thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho ông P thì ông V phải trả lại số tiền cọc là 100.000.000 đồng và bồi thường cho ông P một khoản tiền tương đương với số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng. Đồng thời, ông P cũng đã gọi điện thoại, nhắn tin thông báo cho ông V đến số máy "0939599101" và trực tiếp gửi văn bản thông báo nói trên cho ông Huỳnh Thanh V đến tại địa chỉ Lô B, đường B, KDC I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Sự việc này đã được Văn phòng T5 lập thành Vi bằng số 525/2022/VB-TPL ngày 18/7/2022.

Vào lúc 08 giờ 00, ngày 11/7/2022, theo đúng thời gian đã hẹn, ông P đã đến Văn phòng C để đợi ông V đến ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như Thông báo đề ngày 07/7/2022 mà ông P đã gửi ông V. Tuy nhiên, ông V không đến ký hợp đồng chuyển nhượng theo thời gian và địa điểm ông P đã thông báo mà không có bất kỳ lý do gì, sự việc này đã được Văn phòng T5 lập thành Vi bằng số 526/2022/VB-TPL ngày 18/7/2022.

Hiện nay, ông V đã không thực hiện ký chuyển nhượng đất theo thỏa thuận đặt cọc và cũng không đồng ý trả lại tiền đặt cọc cho ông P. Vấn đề này đã vi phạm thỏa thuận khi đặt cọc, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P. Do đó, ông P khởi kiện ông V để đề nghị Tòa án nhân quận N giải quyết:

- Hủy giao dịch đặt cọc ngày 11/3/2022 tại 02 thửa đất số 1100 (diện tích 169,9m^2) và thửa số 1106 (diện tích 170,7m^2) tọa lạc tại khu vực Bình Thường A, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ giữa ông P và ông V.

- Buộc ông Huỳnh Thanh V và bà Võ Thị T phải hoàn trả lại cho ông P toàn bộ số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và bồi thường cho ông P số tiền tương ứng với số tiền ông đã đặt cọc là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*.

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông V và bà T có ý kiến như sau: Vào ngày 11/03/2022 bà Huỳnh Thị P1 và chồng là ông Huỳnh Minh T3 có gặp ông tại lô B, đường B, Khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ để trao đổi về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 nền đất thuộc thửa số 1100 - tờ bản đồ số 17 diện tích 169,9m^2 thuộc Giấy chứng nhận CU114645 (số vào sổ cấp GCN: CS18353, do Sở T cấp ngày 10/02/2022 do Huỳnh Thanh V và Võ Thị T đứng tên và thửa số 1106 diện tích 170,7m^2 (loại đất vườn), tờ bản đồ số 17 thuộc Giấy chứng nhận CU114633, số vào sổ cấp GCN: CS18333, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 10/02/2022 do Huỳnh Thanh V đứng tên.

Sau khi thỏa thuận ông cùng vợ là bà Võ Thị T đồng ý chuyển nhượng 02 lô đất trên với giá 1.520.000.000 đồng cho vợ chồng bà P1, ông T3. Đồng thời bà P1 đã chuyển khoản liền cho ông số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào ngày 11/3/2022 vào tài khoản của ông là Huỳnh Thanh V. Hai bên đã tiến hành làm Giấy đặt cọc (giấy viết tay), trong đó vợ chồng bà P1 yêu cầu ông ghi tên bên đặt cọc là Huỳnh Tiến P (là con của vợ chồng Bà P1) lý do tạo điều kiện thuận lợi để Huỳnh Tiến P làm thủ tục xây dựng nhà sau này, nhưng người ký tên vào giấy đặt cọc là bà P1.

Khi làm giấy đặt cọc ông có ấn định trong vòng 05 ngày sau khi đặt cọc vợ chồng bà P1 phải trở lại để hai bên cùng ra Công chứng làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà P1 đề nghị không ghi ngày ra Công chứng vì thời hạn ra công chứng có thể trễ hạn theo thỏa thuận, vì vậy ông không có ghi ngày ra công chứng trên giấy đặt cọc. Đúng hạn 05

ngày (tức là ngày 16/03/2022) bà P1 không gặp ông để ra Công chứng làm Hợp đồng, khi ông liên lạc qua điện thoại bà P1 đề nghị cho thêm 03 ngày. Tuy nhiên, sau 03 ngày sau bà P1 vẫn trễ hẹn và ông đã nhiều lần cho thêm thời hạn nhưng bà P1 cùng chồng vẫn không hợp tác trong việc công chứng. Sau nhiều lần trễ hạn ông T3 (chồng bà P1) đề nghị ngày 15/4/2022 lên Phòng Công chứng Trần Văn M tại số D, đường C, quận B, thành phố Cần Thơ để làm Hợp đồng chuyển nhượng nền thuộc thửa số 1106 với diện tích 170,7m^2 và thanh toán đủ số tiền là 760.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng ông giữ lại làm tiền đặt cọc cho nền có diện tích 169,9m^2 thuộc thửa 1100. Đến ngày 15/4/2022, vợ chồng bà P1 có lên nhưng không vào Văn Phòng Công chứng mà hẹn ông đến quán cà phê T4 tại số A, đường C cạnh Phòng Công chứng T, đề nghị chỉ làm thủ tục chuyển nhượng một nền và trừ tiền cọc, nền còn lại hẹn tháng sau giải quyết, ông không đồng ý vì thế hai bên không đến Phòng công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng.

Kéo dài đến ngày 07 tháng 7 năm 2022, ông nhận được Thông báo của Huỳnh Tiến P yêu cầu ông đến Văn phòng C, địa chỉ số: 11, đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ để làm thủ tục chuyển nhượng theo Biên nhận đặt cọc tiền đất vào lúc 09 giờ ngày 11/7/2022. Do ông Huỳnh Tiến P chỉ là người được vợ chồng bà P1 cho đứng tên trên giấy đặt cọc, từ lúc thỏa thuận đặt cọc đến nay ông không tiếp xúc với ông P và cũng không biết ông P là ai mà chỉ trao đổi trực tiếp với vợ chồng bà P1 nên ông không chấp nhận Thông báo này, do vậy đúng ngày giờ nêu trên ông không đến văn phòng Công chứng theo Thông báo.

Do vợ chồng bà P1 đã vi phạm hợp đồng đặt cọc vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xem xét hủy hợp đồng đặt cọc và ông cùng bà T không có trách nhiệm trả lại số tiền 100.000.000 đồng tiền đặt cọc cho vợ chồng bà P1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T2 và bà Huỳnh Thị P1 trình bày: Theo bản tự khai đề ngày 06/3/2023 ông T2 và bà P1 trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của ông Huỳnh Tiến P, ngày 11/3/2022, ông Huỳnh Tiến P và ông Huỳnh Thanh V có thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất số 1100 (diện tích 169,9m^2) và thửa số 1106 (diện tích 170,7m^2) tọa lạc tại khu vực Bình Thường A, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ của ông Huỳnh Thanh V. Biên bản đặt cọc tiền đất đối với 02 thửa đất nói trên do ông Huỳnh Thanh V đã ký với ông Huỳnh Tiến P, sau khi ký ông P có nhờ bà Huỳnh Thị P1 chuyển tiền đặt cọc cho ông V để đặt cọc 02 thửa đất này với tổng số tiền là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)/*02 thửa. Giao dịch đặt cọc chuyển nhượng và việc ký kết chuyển nhượng chính thức đối với 02 thửa đất nói trên giữa ông P và ông V do ông P tự thực hiện và quyết định mọi vấn đề liên quan, ông và bà không có bất kỳ yêu cầu hay ý kiến gì.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại bản án sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tiến P.

Hủy giao dịch đặt cọc lập ngày 11/3/2022 giữa ông Huỳnh Tiến P và ông Huỳnh Thanh V.

2. Buộc ông Huỳnh Thanh V và bà Võ Thị T phải trả cho ông Huỳnh Tiến P số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), trong đó tiền cọc là 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 17 tháng 4 năm 2023, ông V và bà T kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phạt cọc.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Đại diện bị đơn ông V và bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

-Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm, các bên xác định việc đặt cọc ngày 11/3/2022 giữa ông V và ông P, nhưng trong đặt cọc không thỏa thuận ngày ký chuyển nhượng là không thể thực hiện được. Phía nguyên đơn thông báo chỉ mình ông V là không đảm bảo sự có mặt của bà T để ký chuyển nhượng theo thông báo đề nghị của nguyên đơn, nên các bên đều có lỗi thì không phạt cọc, bị đơn tự nguyện trả 100.000.000 đồng cho nguyên đơn nên ghi nhận, đề nghị sửa án chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người liên quan nhưng có người đại diện và việc vắng mặt người liên quan không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo nên tiến hành xét xử quyết vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa

nhận vào ngày 11/3/2022 giữa nguyên đơn ông P và bị đơn ông V đã ký hợp đồng đặt cọc. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông V thừa nhận chữ viết trong tại Biên nhận do ông viết ra và chữ ký trong biên nhận là của ông. Phía bị đơn thừa nhận đã nhận cọc 100.000.000 đồng từ cha mẹ ông P chuyển cùng ngày 11/3/2022. Phía bị đơn cho rằng việc thỏa thuận đặt cọc là chỉ giao dịch với cha mẹ ông P là ông T2 và bà P1 nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà P1 ông T2 không thừa nhận, bị đơn khi ký đặt cọc có đủ năng lực hành vi dân sự nên biết rõ mình đang ký với ông P nên quyền và nghĩa vụ chỉ phát sinh giữa nguyên đơn ông P và bị đơn.

[2.2] Xét, khi ký hợp đồng đặt cọc thì các bên không xác định rõ khi nào sẽ ký chuyển nhượng, phía bị đơn thì cho rằng có thỏa thuận với cha mẹ nguyên đơn ông P ngày ký chuyển nhượng là 05 ngày sau khi ký cọc tức ngày 16/3/2022 nhưng ông T2, bà P1 không ký rồi hẹn lại 03 ngày, rồi bà P1, ông T2 lại hẹn tiếp 07 ngày sau, cuối cùng ngày 03/4/2022 bà P1 có gặp bị đơn ông V nhưng không ký và thỏa thuận lại chỉ chuyển nhượng 01 nền trước, tiền cọc sẽ trừ vào nền thứ hai hẹn 01 tháng sau sẽ chuyển nhượng, đến ngày công chứng hợp đồng thì bà P1 ông T2 lại đổi ý yêu cầu trừ cọc 100.000.000 đồng cho nền thứ nhất nên phía bị đơn không đồng ý, xét lời trình bày của bị đơn không có chứng cứ chứng minh, phía ông P1 bà T2 không thừa nhận, do đó, khi ký hợp đồng đặt cọc thì nguyên đơn ông P và bị đơn ông V không có thỏa thuận khi nào sẽ ký chuyển nhượng nên hợp đồng chuyển nhượng là không thể thực hiện được nên yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu phạt cọc: thấy rằng, khi ký đặt cọc thì hai bên không có thỏa thuận thời gian ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng sau đó thì 07/7/2022, gần 04 tháng sau thì nguyên đơn ông P ra thông báo gửi bị đơn ông V yêu cầu bị đơn thực hiện việc chuyển nhượng vào lúc từ 08h00 đến 9h00 ngày 11/7/2022, có niêm yết cho bị đơn ông V, tuy nhiên, đây chỉ là thông báo cho phía ông V, còn bà T là vợ ông V không hề biết thông báo này nên việc nguyên đơn cho rằng có đến Văn phòng Công chứng ngày 11/7/2022 để ký hợp đồng chuyển nhượng là chưa đảm bảo thủ tục đối với bà T, vì bà T là vợ ông V, quyền sử dụng đất là tài sản chung vợ chồng nên khi ký chuyển nhượng phải có mặt cả ông V bà T thì mới thực hiện việc ký chuyển nhượng được, vì vậy, phía bị đơn bà T không có lỗi, ông V biết thông báo nhưng cũng không có động thái nào đối với phía nguyên đơn, vì vậy, cả hai bên đều có lỗi làm cho việc ký kết chuyển nhượng không thể thực hiện được nên không phạt cọc theo quy định tại điểm d khoản 1 Mục I Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó, kháng cáo của bị đơn không chấp nhận phạt cọc là có cơ sở chấp nhận.

[3] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là phù hợp một phần về tiền cọc, chỉ sửa phần phạt cọc như nhận định trên.

[4] Về phần án phí:

[4.1] Sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí trên số tiền trả cọc cho nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án trên số tiền yêu cầu phạt cọc không được chấp nhận.

[4.2] Phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 425, 427 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:

-Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Thanh V và bà Võ Thị T.

-Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tiến P.

1.1. Hủy giao dịch đặt cọc lập ngày 11/3/2022 giữa ông Huỳnh Tiến P và ông Huỳnh Thanh V.

1.2. Buộc ông Huỳnh Thanh V và bà Võ Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Tiến P số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) là tiền cọc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí

2.1 Dân sự sơ thẩm:

-Bị đơn ông Huỳnh Thanh V và bà Võ Thị T phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Nguyên đơn ông Huỳnh Tiến P phải chịu 5.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000641 ngày 10/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Được nhận lại 300.000 đồng

2.2 Dân sự phúc thẩm: Ông V và bà T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000965 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q. Ninh Kiều.
- Chi cục THADS.Ninh Kiều.
- Lưu (HS - 2b).

(đã ký)

Hà Thị Phương Thanh